

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 375/2023/DS-PT
Ngày 12-9-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Sỹ Trứ
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tài
Ông Nguyễn Trung Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thảo Vy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Ông Lê Trung Kiên – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 277/2023/TLPT-DS ngày 02 tháng 8 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2023/DS-ST ngày 26/5/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 325/2023/QĐ-PT ngày 09/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 387/2023/QĐ-PT ngày 28/8/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần C; địa chỉ trụ sở chính: số A T, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng Đ; địa chỉ nơi làm việc: số C Đại lộ B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 514/UQ-HĐQT-NHCTPCTT3 ngày 12/5/2023), có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1979; địa chỉ: thôn K, xã M, huyện P, tỉnh Hưng Yên; chỗ ở hiện nay: số H khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Hà Văn D, sinh năm 1981; địa chỉ: số H khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; chỗ ở hiện tại:

số H khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (văn bản ủy quyền ngày 08/12/2022), có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Hà Văn D, sinh năm 1981; địa chỉ: số H khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; chỗ ở hiện tại: số H khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1981; địa chỉ: số H khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; chỗ ở hiện tại: số H khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

3. Văn phòng C1; địa chỉ: số D đường Đ, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. *Người đại diện theo pháp luật:* Bà Nguyễn Thị Phương T, chức vụ: Trưởng văn phòng, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nguyễn Thị Bền .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng TMCP C trình bày:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP C khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị B phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn nợ theo các Hợp đồng vay tín dụng như sau:

1. Hợp đồng cho vay từng lần số 20990006/2020-HĐCV/NHCT640 ngày 10/01/2020 (bên vay: bà Nguyễn Thị B); mục đích cho vay: bù đắp chi phí xây dựng đầu tư nhà cho thuê; số tiền cho vay: 3.000.000.000 đồng; thời hạn vay: 84 tháng, tiền lãi suất 12,5%/năm. Tổng dư nợ của khoản vay (tạm tính đến hết ngày 25/5/2023) là 2.712.801.970 đồng (hai tỷ bảy trăm mười hai triệu tám trăm lẻ một nghìn chín trăm bảy mươi đồng), trong đó: gốc: 2.232.914.606 đồng; lãi: 446.414.953 đồng; lãi phạt: 33.472.461 đồng.

2. Hợp đồng cho vay từng lần số 21990201/2021-HĐCV/NHCT640 ngày 30/07/2021 (bên vay: bà Nguyễn Thị B); mục đích cho vay: bù đắp chi phí mua sắm trang thiết bị gia đình phục vụ đời sống; số tiền cho vay: 630.000.000 đồng; thời hạn vay: 60 tháng; tổng dư nợ của khoản vay (tạm tính đến hết ngày 25/5/2023) là 731.652.354 đồng, trong đó: gốc: 609.000.000 đồng; lãi: 113.231.416 đồng; lãi phạt: 9.438.938 đồng.

Tổng số tiền bà B phải thanh toán theo hai hợp đồng là 3.444.454.324 đồng, trong đó nợ gốc là 2.841.914.606 đồng, tiền lãi là 559.628.319 đồng, lãi phạt 43.911.399 đồng.

Khi bản án có hiệu lực mà bà Nguyễn Thị B không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền cưỡng chế, phát mãi toàn bộ các tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp

bất động sản số 20990006/2020/HĐBĐ/NHCT640 ngày 10/01/2020 do Văn phòng C1 công chứng ngày 10/01/2020, số công chứng 264, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD, thửa đất số 1542, tờ bản đồ 91, diện tích: 122,2 m² tọa lạc tại khu phố B, phường B, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 901215, sổ vào sổ cấp GCN: CH05025 do UBND thị xã T (nay là thành phố T) cấp ngày 30/06/2015 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

- Quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện của bị đơn trình bày:

Bị đơn thừa nhận có ký các hợp đồng tín dụng nói trên. Quá trình thực hiện hợp đồng, đối với Hợp đồng cho vay từng lần số 20990006/2020-HĐCV/NHCT640 ngày 10/01/2020 bị đơn đã trả cho nguyên đơn khoảng 600.000.000 đồng đến 700.000.000 đồng cả gốc lẫn lãi, đối với Hợp đồng cho vay từng lần số 21990201/2021-HĐCV/NHCT640 ngày 30/07/2021 bị đơn đã trả cho nguyên đơn 150.000.000 đồng. Do ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid 19 nên từ tháng 02/2022 bị đơn không thể tiếp tục thực hiện việc thanh toán tiền gốc và lãi đúng thỏa thuận.

Nguyên đơn yêu cầu tổng số tiền bị đơn phải thanh toán theo hai hợp đồng tính đến ngày 25/5/2023 là 3.444.454.324 đồng, trong đó nợ gốc là 2.841.914.606 đồng, tiền lãi là 559.628.319 đồng, lãi phạt 43.911.399 đồng thì bị đơn đồng ý.

Khi bản án có hiệu lực mà bà Nguyễn Thị B không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền cưỡng chế, phát mãi toàn bộ các tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 20990006/2020/HĐBĐ/NHCT640 ngày 10/01/2020 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật thì bị đơn đồng ý nhưng xin ngân hàng cho thời hạn 12 tháng để bà B bán tài sản trả nợ.

- Quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hà Văn D trình bày:

Bà Nguyễn Thị B là cháu ruột của ông Hà Văn D. Ông D có nhờ bà B đứng tên vay tiền giùm để kinh doanh. Do vậy bà Nguyễn Thị B có vay của Ngân hàng TMCP C theo Hợp đồng cho vay từng lần số 20990006/2020-HĐCV/NHCT640 ngày 10/01/2020 và Hợp đồng cho vay từng lần số 21990201/2021-HĐCV/NHCT640 ngày 30/07/2021. Để đảm bảo nghĩa vụ trả tiền vay, bà B có thế chấp bằng quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 20990006/2020/HĐBĐ/NHCT640 ngày 10/01/2020 do Văn phòng C1 công chứng ngày 10/01/2020, số công chứng 264, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD, thửa đất số 1542, tờ bản đồ 91, diện tích: 122,2 m² tọa lạc tại khu phố B, phường B, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 901215, sổ vào sổ cấp GCN: CH05025 do UBND thị xã T

(nay là thành phố T) cấp ngày 30/06/2015. Trên thửa đất có 01 căn nhà trọ cho thuê cao cấp loại nhà cấp 3, kết cấu tường xây, mái bê tông cốt thép diện tích khoảng 500m² do vợ chồng ông D và bà Nguyễn Thị S xây dựng từ năm 2018 đến năm 2020 xây xong. Nhà không có giấy chứng nhận sở hữu nhà ở, chỉ có giấy phép xây dựng, chi phí xây dựng khoảng 3.900.000.000 đồng. Nguyên đơn yêu cầu tổng số tiền bà B phải thanh toán theo hai hợp đồng tính đến ngày 25/5/2023 là 3.444.454.324 đồng, trong đó nợ gốc là 2.841.914.606 đồng, tiền lãi là 559.628.319 đồng, lãi phạt 43.911.399 đồng thì ông Hà Văn D không có ý kiến gì. Ông D đồng ý cho phát mãi tài sản để thi hành án nhưng xin Ngân hàng cho thời hạn 12 tháng để ông D và bà B bán tài sản trả nợ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị S:* đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt, không đến Tòa án làm việc để cung cấp tài liệu, chứng cứ, lời khai, hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2023/DS-ST ngày 26/5/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện Ngân hàng TMCP C đối với bà Nguyễn Thị B về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”.

Buộc bà Nguyễn Thị B trả cho Ngân hàng TMCP C số tiền số tiền 3.444.454.324 đồng (ba tỷ bốn trăm bốn mươi bốn triệu bốn trăm năm mươi bốn nghìn ba trăm hai mươi bốn đồng), trong đó nợ gốc là 2.841.914.606 đồng (hai tỷ tám trăm bốn mươi một triệu chín trăm mười bốn nghìn sáu trăm linh sáu đồng), tiền lãi là 559.628.319 đồng (năm trăm năm mươi chín triệu sáu trăm hai mươi tám nghìn ba trăm mười chín đồng), lãi phạt 43.911.399 đồng (bốn mươi ba triệu chín trăm mười một nghìn ba trăm chín mươi chín đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 25/5/2023, bà Nguyễn Thị B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong các hợp đồng Hợp đồng cho vay từng lần số 20990006/2020-HĐCV/NHCT640 ngày 10/01/2020 và Hợp đồng cho vay từng lần số 21990201/2021-HĐCV/NHCT640 ngày 30/07/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp trong hợp đồng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bà Nguyễn Thị B không thanh toán tiền vay sau thì Ngân hàng TMCP C có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 20990006/2020/HĐBĐ/NHCT640 ngày 10/01/2020 do Văn phòng C1 công chứng ngày 10/01/2020, số công chứng

264, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD, gồm quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa đất số 1542, tờ bản đồ 91, diện tích: 122,2 m² tọa lạc tại khu phố B, phường B, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 901215, số vào sổ cấp GCN: CH050258 do UBND thị xã T (nay là TP.) cấp ngày 30/06/2015, cập nhật biến động người sử dụng đất Nguyễn Thị B ngày 29/9/2017.

Ngoài ra phần giá trị công trình, diện tích cải tạo, đầu tư xây dựng thêm, các tài sản gắn liền với diện tích đất đã thế chấp cũng đều thuộc tài sản thế chấp theo hợp đồng này.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, tiền lãi theo hợp đồng tín dụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 07/6/2023 người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Hà Văn D có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh; Tòa án cấp sơ thẩm xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng do các đương sự cung cấp chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Thủ tục tố tụng:

[1.1] Kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định. Căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý và xét xử vụ án theo quy định.

[1.2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị S đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do; người đại diện hợp pháp Văn phòng C1 có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt họ.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Quá trình tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất xác định, giữa nguyên đơn và bị đơn có ký các hợp đồng tín dụng, gồm: Hợp đồng cho vay từng lần số 20990006/2020-HĐCV/NHCT640 ngày

10/01/2020 và Hợp đồng cho vay từng lần số 21990201/2021-HĐCV/NHCT640 ngày 30/07/2021. Nguyên đơn đã giao tiền cho bị đơn, bị đơn đã nhận tiền nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng đã ký kết, tính đến ngày 25/5/2023 bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền là 3.444.454.324 đồng, trong đó nợ gốc là 2.841.914.606 đồng, tiền lãi là 559.628.319 đồng, lãi phạt 43.911.399 đồng. Đây là hợp đồng song vụ các bên phải có nghĩa vụ thực hiện theo thỏa thuận đã ký kết. Việc bị đơn không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán là vi phạm, gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Bị đơn cũng thừa nhận các khoản tiền nợ gốc và lãi tính đến nay như nguyên đơn trình bày. Do đó, theo quy định tại các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[2.2] Về tài sản thế chấp: Xét tài sản thế chấp quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 1542, tờ bản đồ 91, diện tích: 122,2 m² tọa lạc tại khu phố B, phường B, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 901215, sổ vào sổ cấp GCN: CH05025 do UBND thị xã T (nay là thành phố T) cấp ngày 30/06/2015, cập nhật biến động bà Nguyễn Thị B sử dụng đất ngày 29/9/2017. Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 14/12/2022 thể hiện trên thửa đất số 1542, tờ bản đồ 91, diện tích: 122,2 m² tọa lạc tại khu phố B, phường B, thị xã T có 01 căn nhà trên đất nhưng không được thể hiện trong cụ thể trong Hợp đồng thế chấp bất động sản số 20990006/2020/HĐBĐ/NHCT640 ngày 10/01/2020 do Văn phòng C1 công chứng ngày 10/01/2020, số công chứng 264, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 13/01/2020. Trong quá trình tố tụng ông Hà Văn D trình bày căn nhà tồn tại trên đất là do vợ chồng ông xây dựng nên, khi xây dựng công trình này có giấy phép xây dựng đứng tên bà Nguyễn Thị B nhưng chưa được cấp quyền sở hữu nhà nên tài sản chưa được cập nhật trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Xét tại Biên bản định giá tài sản thế chấp ngày 10/01/2020 có thể hiện tài sản gắn liền trên đất là nhà cho thuê (21 phòng), loại công trình: công trình dân dụng cấp 3, tổng diện tích sàn 495,86m², cấu trúc móng- cột- sàn bê tông cốt thép, vách gạch, nền gạch men, mái tole, chiều cao tầng 1 4,2m, tổng chiều cao 13,8m, số tầng 3. Như vậy tại thời điểm ký kết hợp đồng vay tài sản các bên cũng xác định là tài sản gắn liền trên đất thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thị B. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa ông Hà Văn D xác định đó là tài sản thuộc quyền sở hữu của vợ chồng ông nhưng lại không đưa ra chứng cứ chứng minh. Tại thời điểm bà B và Ngân hàng TMCP C ký hợp đồng vay ông Hà Văn D biết nhưng không có ý kiến gì về căn nhà tồn tại trên đất.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 318 Bộ luật Dân sự 2015 quy định “Trường hợp thế chấp quyền sử dụng đất mà tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu của bên thế chấp thì tài sản gắn liền với đất cũng thuộc tài sản thế chấp, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”. Vì vậy có đủ căn cứ xác định bà B là người quản lý sử dụng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hợp pháp.

Trường hợp ông Hà Văn D có xảy ra tranh chấp với bà Nguyễn Thị B về việc yêu cầu giải quyết về phần sở hữu tài sản gắn liền trên đất thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết trong một vụ án khác.

Mặc dù tại hợp đồng thế chấp không ghi rõ cụ thể các tài sản trên đất nhưng tại điểm b khoản 1 Điều 2 hợp đồng thế chấp quy định “Các tài sản gắn liền với thửa đất cho dù tài sản đó đang được bên thế chấp sở hữu hay sẽ sở hữu trong tương lai và cho dù tài sản đó đang tồn tại hoặc sẽ hình thành trong tương lai (sau đây gọi chung là “Tài sản gắn liền với đất”)..”

Vì vậy có căn cứ xác định hợp đồng thế chấp bất động sản số 20990006/2020/HĐBĐ/NHCT640 ngày 10/01/2020 do Văn phòng C1 công chứng ngày 10/01/2020, số công chứng 264, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật, hợp đồng đã được đăng ký nên hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật. Trường hợp bên bị đơn không thanh toán được số tiền vay và tiền lãi thì nguyên đơn có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 20990006/2020/HĐBĐ/NHCT640 ngày 10/01/2020 do Văn phòng C1 công chứng ngày 10/01/2020, số công chứng 264, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD để thu hồi nợ.

[2.3] Bị đơn còn phải chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 25/5/2023 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong 02 hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng, cam kết trong hợp đồng bảo đảm nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử buộc bị đơn phải trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, xử tài sản theo hợp đồng thế chấp là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, đây là hợp đồng vay tín dụng được thực hiện theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng vay tài sản là không đúng nên cần rút kinh nghiệm.

Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ gì mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là phù hợp.

Án phí dân sự phúc thẩm: người kháng cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148, khoản 1 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Bến .

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2023/DS-ST ngày 26/5/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị B phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0004747 ngày 27/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương;
- TAND thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính Tư pháp;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Sỹ Trứ